

ĐẢNG BỘ TỈNH LÂM ĐỒNG
HUYỆN ỦY ĐAM RÔNG

*

Số 864-CV/HU

*Tổ chức quán triệt một số Chỉ thị,
Nghị quyết, Kế hoạch của Đảng*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Đam Rông, ngày 06 tháng 11 năm 2019

Kính gửi:

- Ban Tuyên giáo Huyện ủy,
- Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể CT - XH huyện,
- Các tổ chức cơ sở đảng.

Thực hiện Công văn số 1353-CV/BTGTU, ngày 30/10/2019 của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy về việc *tổ chức thông báo nhanh kết quả Hội nghị lần thứ 11 BCHTW Đảng (khóa XII) và quán triệt một số Chỉ thị, Nghị quyết, Kế hoạch của Đảng*. Để kịp thời quán triệt một số Chỉ thị, Nghị quyết, Kế hoạch của Trung ương và Tỉnh ủy: Chỉ thị số 38-CT/TW ngày 19/9/2019 của Ban Bí thư “về tiếp tục đổi mới, phát huy vai trò và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam trong tình hình mới”; Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị “về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư”; Kế hoạch số 105-KH/TU ngày 21/10/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “về thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 03/9/2019 của Ban Bí thư về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong tình hình mới” một cách nghiêm túc, đạt kết quả (*gửi kèm Chỉ thị 38-CT/TW, Nghị quyết 52-NQ/TW, Kế hoạch 105-KH/TU*); **Ban Thường vụ Huyện ủy đề nghị:**

1. Các tổ chức cơ sở Đảng trực thuộc Huyện ủy, Mặt trận Tổ quốc VN và các đoàn thể chính trị - xã hội huyện tổ chức học tập, quán triệt đến cán bộ, đảng viên và tuyên truyền trong Nhân dân bằng các hình thức phù hợp.

2. Ban Tuyên giáo Huyện ủy theo dõi, kiểm tra, đôn đốc quá trình triển khai thực hiện báo cáo Ban Thường vụ Huyện ủy theo quy định.

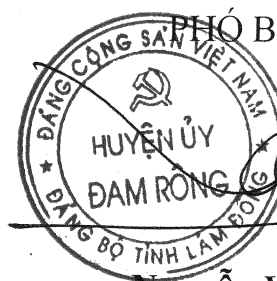
Thời gian hoàn thành trước ngày 15/11/2019.

Nơi nhận:

- Như kính gửi,
- Lưu VP Huyện ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ

PHÓ BÍ THƯ



Nguyễn Văn Lộc

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

Số 38-CT/TW

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 19 tháng 9 năm 2019

CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ

**về tiếp tục đổi mới, phát huy vai trò và nâng cao chất lượng,
hiệu quả hoạt động của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam
trong tình hình mới**

AN PHÒNG TỈNH ỦY LÂM ĐỒNG

Số 8541
Ngày 07-10-2019

huyền

ư hồ sơ số

Sau hơn 10 năm thực hiện Chỉ thị số 28-CT/TW, ngày 02/12/2008 của Ban Bí thư khoá X (Chỉ thị 28) về tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam (Liên hiệp) đã đạt được kết quả quan trọng. Hoạt động của Liên hiệp đã góp phần tăng cường quan hệ hữu nghị, hợp tác với nhân dân các nước, tranh thủ được nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế, xã hội của đất nước; đóng góp tích cực vào cuộc đấu tranh chung vì hoà bình, phát triển và tiến bộ xã hội của nhân dân thế giới. Tuy nhiên, Liên hiệp chưa thực sự phát huy đầy đủ vai trò và lợi thế của mình trong công tác đối ngoại. Việc thể chế hoá Chỉ thị 28 còn chậm, thiếu đồng bộ; tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ của Liên hiệp chưa được quan tâm chăm lo xây dựng.

Để khắc phục những hạn chế, khuyết điểm trên, phát huy kết quả đã đạt được, Ban Bí thư yêu cầu cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể chính trị - xã hội các cấp thực hiện các nội dung sau:

1. Tiếp tục khẳng định Liên hiệp là tổ chức chính trị - xã hội chuyên trách về đối ngoại nhân dân trong lĩnh vực hoà bình, đoàn kết, hữu nghị và hợp tác nhân dân, là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; có vai trò nòng cốt trong hoạt động đối ngoại nhân dân và công tác vận động phi chính phủ nước ngoài; là tổ chức làm công tác chính trị đối ngoại và là bộ phận cấu thành của lực lượng đối ngoại chuyên trách của nước ta. Liên hiệp được tổ chức chặt chẽ, được bảo đảm biên chế, các chế độ, chính sách đối với đội ngũ cán bộ, kinh phí và điều kiện làm việc.

2. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Liên hiệp theo phương châm "chủ động, linh hoạt, sáng tạo, hiệu quả" với các nhiệm vụ, giải pháp chính sau đây:

- Phát huy tốt vai trò và trách nhiệm của Đảng đoàn Liên hiệp trong lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức và hoạt động của Liên hiệp, nhất là trong việc xây dựng

và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, góp phần bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất của Đảng, sự quản lý tập trung của Nhà nước, phối hợp chặt chẽ giữa đối ngoại nhân dân với đối ngoại đảng và ngoại giao nhà nước, tạo thành sức mạnh tổng hợp của mặt trận đối ngoại, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

- Xây dựng tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ chuyên trách của Liên hiệp vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu quả. Khuyến khích huy động nguồn lực xã hội cho hoạt động của Liên hiệp, đồng thời bảo đảm quản lý chặt chẽ theo quy định.

- Tiếp tục mở rộng, đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ đối tác, góp phần củng cố, tăng cường quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân các nước; tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ rộng rãi của nhân dân thế giới đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta. Chú trọng phát triển quan hệ ổn định và có chiều sâu với các tổ chức nhân dân của các nước láng giềng, các nước ASEAN và các nước lớn, các đối tác chiến lược, đối tác toàn diện và các đối tác quan trọng khác. Duy trì, thúc đẩy quan hệ với các tổ chức cánh tả, tiến bộ, các tổ chức, cá nhân có thiện chí với Việt Nam.

- Chú trọng nội dung chính trị trong các hoạt động đối ngoại của Liên hiệp để tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ, đoàn kết rộng rãi của nhân dân thế giới đối với Việt Nam; bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc, uy tín và hình ảnh quốc tế của đất nước ta, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ, tiến bộ xã hội và phát triển.

- Tích cực tham gia công tác vận động, tập hợp người Việt Nam ở nước ngoài hướng về đất nước, đóng góp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, phát triển quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa nước ta với các nước.

- Nâng cao hiệu quả hợp tác với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài. Chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài.

- Tăng cường công tác nghiên cứu, dự báo, tham mưu và thông tin đối ngoại của Liên hiệp.

3. Theo chức năng, nhiệm vụ của mình, các tỉnh uỷ, thành uỷ, ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn và đảng uỷ trực thuộc Trung ương tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện, tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, phối hợp chặt chẽ với Liên hiệp, bảo đảm tạo điều kiện thuận lợi cho Liên hiệp và các tổ chức thành viên, liên hiệp cấp tỉnh thực hiện và hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao.

4. Ban cán sự đảng Bộ Nội vụ hướng dẫn Đảng đoàn Liên hiệp chỉ đạo xây dựng mô hình cơ quan lãnh đạo, kiểm tra và cơ quan tham mưu, giúp việc theo hướng thống nhất với mô hình tương ứng của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam, bảo đảm tinh gọn, hoạt động thực chất, hiệu quả.

5. Ban cán sự đảng Chính phủ lãnh đạo thể chế hoá Chỉ thị, thực hiện thống nhất việc quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, kinh phí hoạt động, chính sách, chế độ tiền lương, phụ cấp chức vụ cán bộ chuyên trách của Liên hiệp; có cơ chế, chính sách phù hợp để huy động nguồn lực xã hội cho các hoạt động của Liên hiệp theo yêu cầu nhiệm vụ.

6. Ban cán sự đảng Bộ Ngoại giao lãnh đạo thực hiện tốt vai trò quản lý nhà nước của Bộ Ngoại giao đối với công tác đối ngoại của Liên hiệp; hướng dẫn, phối hợp với Đảng đoàn Liên hiệp thực hiện các nhiệm vụ đối ngoại và hoạt động đối ngoại quan trọng.

7. Đảng đoàn Liên hiệp quán triệt, phối hợp với các cơ quan, địa phương tổ chức triển khai thực hiện Chỉ thị; chủ trì, phối hợp với Ban Đối ngoại Trung ương xây dựng, trình Ban Bí thư Quy định tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình giới thiệu nhân sự bầu cử các chức danh lãnh đạo Liên hiệp và lãnh đạo các tổ chức thành viên Liên hiệp.

8. Ban Đối ngoại Trung ương chủ trì tham mưu giúp Ban Bí thư trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động của Liên hiệp; hướng dẫn Liên hiệp triển khai thực hiện; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Chỉ thị, định kỳ báo cáo Ban Bí thư.

Nơi nhận:

- Các tỉnh uỷ, thành uỷ,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương,
- Các đảng uỷ đơn vị sự nghiệp Trung ương,
- Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

T/M BAN BÍ THƯ



Trần Quốc Vượng

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 52-NQ/TW

Hà Nội, ngày 27 tháng 9 năm 2019

ĂN PHÒNG TỈNH ỦY LÀM ĐỒNG

Số.....2542.....
ĐẾN Ng 07-10-2019.....
chuyển.....
ưu hồ sơ số.....

NGHỊ QUYẾT
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia
cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư

I- TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư mở ra nhiều cơ hội, đồng thời cũng đặt ra nhiều thách thức đối với mỗi quốc gia, tổ chức và cá nhân; đã và đang tác động ngày càng mạnh mẽ đến tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế, xã hội đất nước. Thời gian qua, Đảng và Nhà nước ta đã lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành đẩy mạnh ứng dụng, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, nghiên cứu nắm bắt, nâng cao năng lực tiếp cận và chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành chỉ thị về nâng cao năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và phê duyệt Đề án thúc đẩy mô hình kinh tế chia sẻ. Trên cơ sở đó, các bộ, ngành và địa phương đã xây dựng và triển khai thực hiện một số chính sách nhằm thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông. Cơ sở hạ tầng viễn thông được xây dựng khá đồng bộ. Kinh tế số được hình thành, phát triển nhanh, ngày càng trở thành bộ phận quan trọng của nền kinh tế; công nghệ số được áp dụng trong các ngành công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ; xuất hiện ngày càng nhiều hình thức kinh doanh, dịch vụ mới, xuyên quốc gia, dựa trên nền tảng công nghệ số và Internet đang tạo nhiều cơ hội việc làm, thu nhập, tiện ích, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Việc xây dựng chính phủ điện tử, tiến tới chính phủ số được triển khai quyết liệt, bước đầu đạt được nhiều kết quả tích cực.

Tuy vậy, mức độ chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư của nước ta còn thấp. Thể chế, chính sách còn nhiều hạn chế và bất cập. Cơ cấu và chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng được yêu cầu. Khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo chưa thực sự là động lực phát triển kinh tế - xã hội; hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia mới được hình thành, chưa đồng bộ và hiệu quả. Quá trình chuyển đổi số quốc gia còn chậm, thiếu chủ động do hạ tầng phục vụ quá trình chuyển đổi số còn nhiều hạn chế; nhiều doanh nghiệp còn bị

động, năng lực tiếp cận, ứng dụng, phát triển công nghệ hiện đại còn thấp. Kinh tế số có quy mô còn nhỏ. Việc đấu tranh với tội phạm, bảo đảm an ninh mạng còn nhiều thách thức.

Những hạn chế nêu trên có những nguyên nhân chủ quan và khách quan; trong đó, nguyên nhân chủ quan là chính. Nhận thức về cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong hệ thống chính trị và toàn xã hội còn nhiều hạn chế, bất cập, chưa thống nhất. Khả năng phân tích, dự báo chiến lược về xu thế phát triển khoa học, công nghệ tác động đến đời sống kinh tế - xã hội của đất nước còn hạn chế. Tư duy trong xây dựng và tổ chức thực hiện thể chế phù hợp với yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư chậm được đổi mới, sức ỳ còn lớn. Quản lý nhà nước còn nhiều bất cập, chưa theo kịp diễn biến thực tế. Sự phối hợp giữa các ban, bộ, ngành, giữa Trung ương với các địa phương chưa chặt chẽ; nhiều khó khăn, vướng mắc chậm được tháo gỡ.

II- QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VÀ MỤC TIÊU

1. Quan điểm chỉ đạo

- Chủ động, tích cực tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư là yêu cầu tất yếu khách quan; là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược đặc biệt quan trọng, vừa cấp bách vừa lâu dài của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, gắn chặt với quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng; đồng thời nhận thức đầy đủ, đúng đắn về nội hàm, bản chất của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư để quyết tâm đổi mới tư duy và hành động, coi đó là giải pháp đột phá với bước đi và lộ trình phù hợp là cơ hội để Việt Nam bứt phá trong phát triển kinh tế - xã hội.

- Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư mang lại cả cơ hội và thách thức. Phải nắm bắt kịp thời, tận dụng hiệu quả các cơ hội để nâng cao năng suất lao động, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế, hiệu lực, hiệu quả quản lý xã hội thông qua nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng mạnh mẽ các thành tựu tiên tiến của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư cho các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội, nhất là một số ngành, lĩnh vực trọng điểm, có tiềm năng, lợi thế để làm động lực cho tăng trưởng theo tinh thần bắt kịp, tiến cùng và vượt lên ở một số lĩnh vực so với khu vực và thế giới. Chủ động phòng ngừa, ứng phó để hạn chế các tác động tiêu cực, bảo đảm quốc phòng, an ninh, an toàn, công bằng xã hội và tính bền vững của quá trình phát triển đất nước.

- Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư yêu cầu phải đổi mới tư duy về quản lý kinh tế, quản lý xã hội, xây dựng, hoàn thiện thể chế cho phù hợp. Cần

có cách tiếp cận mở, sáng tạo, cho thí điểm đối với những vấn đề thực tiễn mới đặt ra, tạo mọi thuận lợi cho đổi mới sáng tạo. Tránh mọi biểu hiện bàng quan, thiếu tự tin, thụ động, nhưng không chủ quan, nóng vội, duy ý chí.

- Phát huy tối đa các nguồn lực, bảo đảm đủ nguồn lực cho việc chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, xác định nguồn lực bên trong là quyết định, chiến lược, cơ bản lâu dài; nguồn lực bên ngoài là quan trọng, đột phá, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, phát huy sức mạnh của toàn xã hội.

2. Mục tiêu

Mục tiêu tổng quát: Tận dụng có hiệu quả các cơ hội do cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đem lại để thúc đẩy quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với thực hiện các đột phá chiến lược và hiện đại hoá đất nước; phát triển mạnh mẽ kinh tế số; phát triển nhanh và bền vững dựa trên khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhân lực chất lượng cao; nâng cao chất lượng cuộc sống, phúc lợi của người dân; bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường sinh thái.

Một số mục tiêu cụ thể đến năm 2025: Duy trì xếp hạng về chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) thuộc 3 nước dẫn đầu ASEAN. Xây dựng được hạ tầng số đạt trình độ tiên tiến của khu vực ASEAN; Internet băng thông rộng phủ 100% các xã. Kinh tế số chiếm khoảng 20% GDP; năng suất lao động tăng bình quân trên 7%/năm. Cơ bản hoàn thành chuyển đổi số trong các cơ quan đảng, nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội. Thuộc nhóm 4 nước dẫn đầu ASEAN trong xếp hạng chính phủ điện tử theo đánh giá của Liên hợp quốc. Có ít nhất 3 đô thị thông minh tại 3 vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc, phía Nam và miền Trung.

Một số mục tiêu cụ thể đến năm 2030: Duy trì xếp hạng về chỉ số Đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) thuộc nhóm 40 nước dẫn đầu thế giới. Mạng di động 5G phủ sóng toàn quốc; mọi người dân được truy cập Internet băng thông rộng với chi phí thấp. Kinh tế số chiếm trên 30% GDP; năng suất lao động tăng bình quân khoảng 7,5%/năm. Hoàn thành xây dựng Chính phủ số. Hình thành một số chuỗi đô thị thông minh tại các khu vực kinh tế trọng điểm phía Bắc, phía Nam và miền Trung; từng bước kết nối với mạng lưới đô thị thông minh trong khu vực và thế giới.

3. Tầm nhìn đến năm 2045: Việt Nam trở thành một trong những trung tâm sản xuất và dịch vụ thông minh, trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo thuộc nhóm dẫn đầu khu vực Châu Á; có năng suất lao động cao, có đủ năng lực

làm chủ và áp dụng công nghệ hiện đại trong tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh.

III- MỘT SỐ CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH CHỦ ĐỘNG THAM GIA CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ TƯ

1. Đổi mới tư duy, thống nhất nhận thức, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, phát huy sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội

- Nâng cao nhận thức của các cấp uỷ đảng, chính quyền về sự cấp thiết phải chủ động tham gia tích cực và có hiệu quả cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, coi đó là một nhiệm vụ trọng tâm. Gắn các mục tiêu, nhiệm vụ tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư với các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh của các cấp, các ngành.

- Xác định nội dung cốt lõi của chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư của nước ta là thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên tất cả các ngành, lĩnh vực và thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia, trọng tâm là phát triển kinh tế số, xây dựng đô thị thông minh, chính quyền điện tử, tiến tới chính quyền số.

- Nhà nước ưu tiên chuyển giao và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ mới trong các ngành, lĩnh vực; có trách nhiệm thúc đẩy nghiên cứu khoa học, công nghệ, tạo môi trường thuận lợi và hỗ trợ có trọng tâm, trọng điểm để người dân và doanh nghiệp là các chủ thể quyết định tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Phát huy sự tham gia có hiệu quả của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các đối tượng chịu tác động của chính sách vào quá trình hoạch định và giám sát thực thi các chính sách có liên quan đến cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Xây dựng cơ chế hợp tác giữa Nhà nước và các doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp trong xây dựng và thực thi các chính sách.

2. Hoàn thiện thể chế tạo thuận lợi cho chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và quá trình chuyển đổi số quốc gia

- Hoàn thiện pháp luật, trước hết là pháp luật về doanh nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo, sở hữu trí tuệ, thương mại, đầu tư, kinh doanh để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình chuyển đổi số quốc gia và phát triển các sản phẩm, dịch

vụ, mô hình kinh tế mới dựa trên nền tảng công nghệ số, Internet và không gian mạng; đồng thời ngăn chặn kịp thời các tác động tiêu cực cả về kinh tế và xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội trên không gian mạng. Bổ sung một số ngành nghề kinh doanh mới được ưu đãi đầu tư để thúc đẩy tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Có cơ chế cho doanh nghiệp nhà nước thực hiện đầu tư nghiên cứu phát triển công nghệ, đầu tư mạo hiểm, đầu tư vào khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

- Xây dựng cơ chế quản lý phù hợp với môi trường kinh doanh số, tạo thuận lợi cho đổi mới sáng tạo. Sớm ban hành khung thể chế thử nghiệm có kiểm soát đối với các công nghệ, sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới hình thành từ cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Quy định rõ phạm vi không gian và thời gian thử nghiệm. Nghiên cứu, xây dựng các khu thử nghiệm dành cho doanh nghiệp công nghệ theo mô hình tiên tiến của thế giới. Thực hiện định danh, công nhận, xây dựng hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn đối với các sản phẩm, công nghệ, mô hình kinh doanh mới.

- Chủ động tham gia vào các khuôn khổ pháp lý khu vực và toàn cầu để phát triển kinh tế số. Hoàn thiện pháp luật, chính sách về dữ liệu, quản trị dữ liệu, tạo thuận lợi cho việc tạo dựng, kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu bảo đảm an toàn, an ninh mạng trong nước, tiến tới kết nối với khu vực ASEAN và quốc tế. Xây dựng hành lang pháp lý cho định danh số và xác thực điện tử quốc gia; thiết lập khung danh tính số quốc gia.

- Hoàn thiện các chính sách tài chính nhằm khuyến khích, huy động mọi nguồn lực xã hội đầu tư cho các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ, đổi mới sáng tạo. Sửa đổi các quy định về đầu tư theo hướng tạo thuận lợi cho các hoạt động thu hút vốn, mua cổ phần, mua bán sáp nhập doanh nghiệp công nghệ; các nhà đầu tư nước ngoài góp vốn vào các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

- Hoàn thiện pháp luật về sở hữu trí tuệ, bảo hộ và khai thác hiệu quả, hợp lý các tài sản trí tuệ do Việt Nam tạo ra; khuyến khích thương mại hoá và chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ, đặc biệt là đối với các sáng chế tại Việt Nam trên cơ sở tuân thủ pháp luật trong nước và bảo đảm lợi ích an ninh quốc gia. Khuyến khích các công ty đa quốc gia đặt các cơ sở nghiên cứu và phát triển tại Việt Nam.

- Hoàn thiện pháp luật, chính sách về tài chính - tiền tệ, thanh toán điện tử, quản lý thuế và các dịch vụ xuyên biên giới phù hợp với xu thế phát triển của kinh tế số. Hoàn thiện chính sách đặt hàng sản xuất và mua sắm công đối với các sản phẩm công nghệ số do Việt Nam sản xuất.

- Ban hành các chính sách hạn chế các tác động tiêu cực của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Tạo lập hành lang pháp lý cho việc triển khai các mô hình lao động, việc làm mới trên nền tảng công nghệ số và hoàn thiện chính sách an sinh xã hội phù hợp với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, xử lý kịp thời các thách thức đặt ra đối với phát triển xã hội. Thúc đẩy việc tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư để giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

- Xây dựng và triển khai Chiến lược quốc gia về phát triển các doanh nghiệp công nghệ, ưu tiên phát triển các doanh nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp công nghệ cao thực hiện thiết kế, sáng tạo và sản xuất tại Việt Nam.

- Xây dựng, hoàn thiện khung pháp lý về phát triển đô thị thông minh bền vững; hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia; hệ thống hạ tầng dữ liệu, hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động của đô thị thông minh. Xác định rõ lộ trình thí điểm và lựa chọn các đô thị thí điểm đô thị thông minh; cho phép thực hiện thí điểm một số cơ chế đặc thù trong quá trình triển khai thí điểm phát triển đô thị thông minh bảo đảm tính hiệu quả và phù hợp với điều kiện thực tế.

3. Chính sách phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu

- Triển khai băng thông rộng chất lượng cao trên phạm vi toàn quốc. Khuyến khích doanh nghiệp tư nhân có đủ năng lực tham gia xây dựng hạ tầng viễn thông và các hạ tầng khác cho chuyển đổi số quốc gia.

- Xây dựng và phát triển đồng bộ hạ tầng dữ liệu quốc gia. Hình thành hệ thống trung tâm dữ liệu quốc gia, các trung tâm dữ liệu vùng và địa phương kết nối đồng bộ và thống nhất. Hình thành các hệ thống dữ liệu tin cậy, ổn định của Nhà nước và doanh nghiệp. Đầu tư trang bị các hệ thống thiết bị thu thập, lưu trữ, xử lý, bảo vệ dữ liệu công.

- Quy hoạch xây dựng hạ tầng thanh toán số quốc gia theo hướng đồng bộ, thống nhất, dùng chung, tận dụng và khai thác có hiệu quả hạ tầng mạng lưới viễn thông để triển khai các dịch vụ thanh toán cho người dân với chi phí thấp. Hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy mạnh mẽ thanh toán không dùng tiền mặt. Khuyến khích các doanh nghiệp Việt Nam xây dựng các hệ thống

thanh toán số. Quản lý và kiểm soát chặt chẽ các hình thức thanh toán trực tuyến qua biên giới.

- Đầu tư nâng cấp hạ tầng kỹ thuật bảo đảm an toàn, an ninh mạng. Xây dựng và triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 30-NQ/TW, ngày 25/7/2018 của Bộ Chính trị về Chiến lược an ninh mạng quốc gia.

- Nâng cấp hạ tầng các ngành, lĩnh vực quan trọng, thiết yếu đồng bộ, hiện đại đáp ứng yêu cầu áp dụng công nghệ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, trước hết là hạ tầng năng lượng và giao thông. Bảo đảm vững chắc an ninh năng lượng quốc gia.

4. Chính sách phát triển và nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo quốc gia

- Cơ cấu lại toàn diện hệ thống các cơ sở nghiên cứu khoa học công nghệ công lập. Xây dựng và phát triển các trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia, tập trung vào các công nghệ cốt lõi của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Nâng cao hiệu quả đầu tư công cho hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ trên cơ sở áp dụng mô hình quản trị mới theo thông lệ tốt của thế giới.

- Áp dụng các cơ chế, chính sách đặc biệt, có tính đột phá đối với các trung tâm đổi mới sáng tạo. Phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia theo hướng lấy doanh nghiệp làm trung tâm, trường đại học và viện nghiên cứu là chủ thể nghiên cứu mạnh. Khuyến khích các trường đại học, doanh nghiệp, tổ chức trong nước và nước ngoài thành lập các trung tâm đổi mới sáng tạo tại Việt Nam.

- Ban hành hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia làm nền tảng cho việc ứng dụng và phát triển các công nghệ cốt lõi của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong sản xuất và đời sống. Tạo lập đồng bộ và kịp thời khung pháp lý và hệ thống các chính sách để triển khai và phát triển các công nghệ mới. Xây dựng và triển khai các chương trình hỗ trợ các doanh nghiệp nghiên cứu và ứng dụng công nghệ, thực hiện chuyển đổi số, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế.

- Hoàn thiện mô hình và cơ chế, chính sách để tạo sự phát triển đột phá đối với các khu công nghệ cao. Trên cơ sở các khu công nghệ cao Hoà Lạc (Hà Nội), Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh, phát triển các khu đô thị sáng tạo đạt đẳng cấp quốc tế. Thúc đẩy phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, đẩy nhanh thành lập các trung tâm khởi nghiệp sáng tạo quốc gia, trước mắt tại Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Chính sách phát triển nguồn nhân lực

- Rà soát tổng thể, thực hiện đổi mới nội dung và chương trình giáo dục, đào tạo theo hướng phát triển năng lực tiếp cận, tư duy sáng tạo và khả năng thích ứng với môi trường công nghệ liên tục thay đổi và phát triển; đưa vào chương trình giáo dục phổ thông nội dung kỹ năng số và ngoại ngữ tối thiểu. Đổi mới cách dạy và học trên cơ sở áp dụng công nghệ số; lấy đánh giá của doanh nghiệp làm thước đo cho chất lượng đào tạo của các trường đại học trong lĩnh vực công nghệ thông tin. Khuyến khích các mô hình giáo dục, đào tạo mới dựa trên các nền tảng số.

- Có cơ chế khuyến khích và ưu đãi đối với các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp công nghệ tham gia trực tiếp vào quá trình giáo dục và đào tạo, tạo ra sản phẩm phục vụ cho nền kinh tế số. Xây dựng một số trung tâm giáo dục, đào tạo xuất sắc về công nghệ theo hình thức hợp tác công - tư. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích, thu hút, sử dụng nhân tài, nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Phát triển mạnh đào tạo nghề và hỗ trợ đào tạo kỹ năng cho chuyển đổi công việc. Nhà nước có chính sách hỗ trợ cho người lao động khi tham gia đào tạo lại, đào tạo nâng cao chuyên môn và kỹ năng để chuyển đổi công việc.

- Hình thành mạng học tập mở của người Việt Nam. Thực hiện theo lộ trình phổ cập kỹ năng số, kỹ năng bảo đảm an toàn, an ninh mạng đạt trình độ cơ bản cho người dân. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, xây dựng văn hoá số trong cộng đồng.

6. Chính sách phát triển các ngành và công nghệ ưu tiên

- Tập trung phát triển các ngành ưu tiên có mức độ sẵn sàng cao như: Công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông; an toàn, an ninh mạng; công nghiệp chế tạo thông minh; tài chính - ngân hàng; thương mại điện tử; nông nghiệp số; du lịch số; công nghiệp văn hoá số; y tế; giáo dục và đào tạo.

- Ưu tiên nguồn lực cho triển khai một số chương trình nghiên cứu trọng điểm quốc gia về các công nghệ ưu tiên, trọng tâm là: Công nghệ thông tin và truyền thông, cơ điện tử, công nghệ mới trong lĩnh vực năng lượng, trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học, điện tử y sinh.

- Nhà nước thực hiện chính sách hỗ trợ các ngành và công nghệ ưu tiên chủ yếu thông qua đổi mới, hoàn thiện thể chế, tạo lập môi trường kinh doanh

thuận lợi; hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng; phát triển nguồn nhân lực; phát triển khoa học và công nghệ; đặt hàng mua sắm công.

7. Chính sách hội nhập quốc tế

- Mở rộng và làm sâu sắc hơn hợp tác về khoa học, công nghệ với các đối tác, đặc biệt là các nước đối tác chiến lược có trình độ khoa học công nghệ tiên tiến, đang đi đầu trong cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Chủ động tham gia mạng lưới đổi mới sáng tạo toàn cầu.

- Đẩy mạnh thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ nước ngoài và các đối tác quốc tế cho hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, chuyển giao công nghệ.

- Hoàn thiện luật pháp, chính sách về đầu tư trực tiếp nước ngoài theo hướng nâng cao tiêu chuẩn công nghệ, khuyến khích hình thức liên doanh và tăng cường liên kết, chuyển giao công nghệ giữa doanh nghiệp trong nước với các doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài; quản lý chặt chẽ hoạt động của các doanh nghiệp dựa trên nền tảng cung cấp dịch vụ xuyên quốc gia để bảo đảm môi trường kinh doanh bình đẳng trong nước. Hoàn thiện các quy định pháp luật về đầu tư mạo hiểm có vốn nước ngoài.

8. Chính sách thúc đẩy chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội

- Tiên phong thực hiện chuyển đổi số mạnh mẽ trong các cơ quan đảng, Quốc hội, Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội bảo đảm thống nhất, kết nối liên thông và đồng bộ.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu số của Chính phủ và các cấp chính quyền, tạo điều kiện để mọi công dân có thể cập nhật thông tin cần thiết về hoạt động của bộ máy nhà nước. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thu thập, quản lý dữ liệu và giao dịch trên nền tảng Internet ở các cơ quan nhà nước.

- Chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; chuẩn hoá và tăng cường năng lực đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước các cấp. Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong thực hiện chuyển đổi số. Hoàn thiện các quy trình, thủ tục hành chính phù hợp với hoạt động của chính quyền số, cắt giảm tối đa giao dịch trực tiếp.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các tỉnh uỷ, thành uỷ, ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết tới cán bộ, đảng viên; xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Đảng đoàn Quốc hội lãnh đạo nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện pháp luật để tạo thuận lợi cho tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư theo tinh thần của Nghị quyết; ban hành một số cơ chế thử nghiệm có kiểm soát để khuyến khích phát triển các sản phẩm, dịch vụ và mô hình kinh doanh mới của nền kinh tế số.

3. Ban cán sự đảng Chính phủ lãnh đạo xây dựng và triển khai Chiến lược quốc gia về Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; ban hành, triển khai Đề án chuyển đổi số quốc gia và các đề án, chương trình, kế hoạch tham gia Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; chỉ đạo xây dựng trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách thử nghiệm có kiểm soát đối với các sản phẩm, mô hình, kinh doanh mới. Ưu tiên bố trí đủ nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ nêu trong Nghị quyết.

4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

5. Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Kinh tế Trung ương và các cơ quan liên quan hướng dẫn việc quán triệt thực hiện Nghị quyết.

6. Ban Kinh tế Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thường xuyên theo dõi, giám sát, kiểm tra, đôn đốc triển khai thực hiện Nghị quyết; định kỳ sơ kết, tổng kết việc thực hiện, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Nơi nhận:

- Các tỉnh uỷ, thành uỷ,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương,
- Các đảng uỷ đơn vị sự nghiệp Trung ương,
- Các đồng chí Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ



Nguyễn Phú Trọng



Ký bởi: Tỉnh ủy Lâm Đồng
Email: tinhuy@lamdong.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh ủy Lâm Đồng
Ngày ký: 24.10.2019 15:15:24 +07:00

TỈNH ỦY LÂM ĐỒNG

*

Số 105 -KH/TU

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Lâm Đồng, ngày 24 tháng 10 năm 2019

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW, ngày 03/9/2019 của Ban Bí thư về
“tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng quan hệ lao động hài hòa,
ổn định và tiến bộ trong tình hình mới”**

Thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW, ngày 03/9/2019 của Ban Bí thư về “tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong tình hình mới” (gọi tắt là Chỉ thị số 37-CT/TW); Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành kế hoạch thực hiện trên địa bàn tỉnh, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Làm cho cấp ủy, chính quyền, các đơn vị, doanh nghiệp và người lao động nhận thức rõ việc chấp hành những quy định của pháp luật về lao động, góp phần từng bước xác lập và vận hành quan hệ lao động hài hòa, ổn định trong các doanh nghiệp, bảo đảm quyền và lợi ích của các bên phù hợp theo cơ chế thị trường; nắm vững các nhiệm vụ, giải pháp nêu trong Chỉ thị và triển khai, tổ chức thực hiện có hiệu quả.

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, giải pháp về xây dựng quan hệ lao động hài hòa; coi đây là nhiệm vụ vừa cấp bách, vừa lâu dài, có vai trò quan trọng trong việc giữ vững ổn định chính trị, xã hội.

- Chỉ đạo xử lý kịp thời những vấn đề phát sinh trong quan hệ lao động của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; tăng cường trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong việc xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong tình hình mới.

II/ NỘI DUNG

1. Tổ chức nghiên cứu, quán triệt nội dung Chỉ thị 37-CT/TW

1.1. Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức hội nghị phổ biến, quán triệt và tuyên truyền, triển khai thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW nhằm nâng cao nhận thức chấp hành pháp luật của người lao động, nhất là các doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên nhằm hạn chế các mâu thuẫn phát sinh từ quan hệ lao động có nguy cơ dẫn đến tranh chấp lao động và đình công.

1.2. Các đồng chí bí thư huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, đảng đoàn, ban cán sự đảng; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị căn cứ Chỉ thị của Trung ương, Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và tình hình cụ thể ở địa phương, cơ quan, đơn vị mình tổ chức nghiên cứu, phổ biến, tuyên truyền, quán triệt và thực hiện Chỉ thị, Kế hoạch của Tỉnh ủy và triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả.

2. Nhiệm vụ cụ thể

2.1. Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, chính quyền để nâng cao nhận thức, thúc đẩy xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ

- Các cấp ủy, chính quyền quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng quan hệ lao động, hài hòa, ổn định và tiến bộ; coi đây là nhiệm vụ vừa cấp bách vừa lâu dài, có vai trò quan trọng trong việc giữ vững sự ổn định chính trị, xã hội, thúc đẩy phát triển sản xuất, kinh doanh, bảo đảm hài hòa quyền và lợi ích của các bên trong quan hệ lao động.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về lao động, tạo sự đồng thuận trong tổ chức triển khai thực hiện; chú trọng phát huy các phương tiện truyền thông để định hướng, vận động, tập hợp người lao động, người sử dụng lao động trong xây dựng mối quan hệ lao động; kịp thời ngăn chặn, phản bác những thông tin sai lệch, gây ảnh hưởng xấu tới quan hệ lao động và an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

2.2. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về quan hệ lao động

a) Rà soát, kiến nghị điều chỉnh, bổ sung để hoàn thiện hệ thống pháp luật về quan hệ lao động:

- Tham gia góp ý sửa đổi Bộ luật Lao động, Luật Công đoàn, Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Việc làm... bảo đảm tuân thủ Hiến pháp, phù hợp với thể chế chính trị, điều kiện kinh tế - xã hội của nước ta, tạo điều kiện xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ.

- Kiến nghị hoàn thiện cơ chế đối thoại, thương lượng, thỏa thuận giữa các chủ thể trong quan hệ về việc làm, tiền lương, điều kiện làm việc và các chế độ phúc lợi; mức lương tối thiểu đảm bảo mức sống tối thiểu của người lao động và gia đình họ phù hợp với địa bàn và mức sống của người lao động tại địa phương theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 7 khóa XII về cải cách chính sách tiền lương.

- Kiến nghị hoàn thiện và triển khai thực hiện các quy định về quyền và nghĩa vụ của tổ chức đại diện người lao động, tổ chức đại diện người sử dụng lao động trong các hoạt động đối thoại, tham vấn, thực hiện dân chủ cơ sở tại doanh nghiệp và việc thương lượng, ký kết, thực thi các thỏa ước lao động tập thể theo quy định của pháp luật.

- Kiến nghị hoàn thiện cơ chế, thiết chế và quy trình thủ tục giải quyết tranh chấp lao động, đảm bảo các tranh chấp lao động được giải quyết nhanh chóng, thuận lợi, hiệu quả và đúng pháp luật.

b) Tăng cường quản lý nhà nước về quan hệ lao động, thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ xây dựng quan hệ lao động

- Cùng cố, kiện toàn tổ chức và hoạt động quản lý nhà nước về quan hệ lao động từ tỉnh tới cơ sở theo tinh thần Nghị quyết 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII và Kế hoạch 48-KH/TU ngày 16/4/2018 của Tỉnh ủy; cơ quan quản lý nhà nước về lao động phải bố trí cán bộ chuyên trách thực hiện nhiệm vụ quản lý tổ chức đại diện người lao động, quản lý hỗ trợ phát triển quan hệ lao động.

- Tăng cường các hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động, trong đó tập trung vào những địa bàn có nhiều doanh nghiệp, doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động, những nội dung dễ phát sinh tranh chấp lao động như tiền lương, làm thêm giờ, phúc lợi, ăn ca, đóng, hưởng bảo hiểm xã hội...; xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm pháp luật về quan hệ lao động trong doanh nghiệp.

- Quản lý chặt chẽ tổ chức đại diện người lao động từ việc thành lập, hoạt động, bảo đảm thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, tôn chỉ mục đích theo quy định của pháp luật.

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu, bộ tiêu chí đánh giá quan hệ lao động ở các doanh nghiệp; tăng cường phối hợp, tích hợp thông tin dữ liệu giữa các cơ quan liên quan để phục vụ công tác quản lý nhà nước về quan hệ lao động; tổ chức tốt công tác thông tin, dự báo, kết nối cung - cầu và phát triển thị trường lao động để các bên có cơ sở đối thoại, thương lượng.

- Xây dựng cơ chế, chính sách nhằm hỗ trợ xây dựng nhà ở cho người lao động, công trình phúc lợi xã hội, các thiết chế công đoàn, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.

2.3. Nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức công đoàn trong quan hệ lao động

- Đổi mới hoạt động của các cấp công đoàn đáp ứng yêu cầu của tình hình mới; làm tốt chức năng đại diện công đoàn trong đối thoại, thương lượng, giải quyết tranh chấp lao động, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động.

- Coi trọng tuyên truyền, vận động và phát triển đoàn viên công đoàn tại doanh nghiệp; thu hút người lao động và tổ chức đại diện người lao động tại doanh nghiệp tham gia vào Liên đoàn Lao động tỉnh.

- Đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của công đoàn cơ sở trong doanh nghiệp theo hướng xây dựng công đoàn thực sự là tổ chức của người lao động, do người lao động và vì người lao động; lấy sự hài lòng của người lao động là thước đo đánh giá chất lượng, hiệu quả hoạt động của công đoàn.

- Thực hiện có hiệu quả các biện pháp hỗ trợ, bảo vệ đoàn viên, cán bộ công đoàn và tổ chức công đoàn cơ sở trong doanh nghiệp.

2.4. Thúc đẩy hoạt động đối thoại, thương lượng tập thể

Cơ quan nhà nước, tổ chức công đoàn, tổ chức đại diện người sử dụng lao động phải quan tâm hướng dẫn, hỗ trợ các hoạt động đối thoại, thương lượng, ký kết thỏa ước lao động tập thể bảo đảm thực chất; thúc đẩy thương lượng, thỏa thuận về tiền lương, tiền thưởng và các chế độ khuyến khích khác trong thỏa ước lao động tập thể hoặc trong quy chế của doanh nghiệp; mở rộng đối thoại, thương lượng, ký kết thỏa ước tập thể cấp ngành và nhóm doanh nghiệp.

2.5. Giải quyết tốt tranh chấp lao động và đình công

- Rà soát, kiện toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động của đội ngũ hòa giải viên lao động ở các huyện, thành phố và hội đồng trọng tài lao động của tỉnh theo

hướng tinh gọn, hiệu quả; bảo đảm các tranh chấp lao động phải được giải quyết kịp thời đúng trình tự thủ tục quy định của pháp luật; phát huy vai trò của các thiết chế hòa giải và trọng tài lao động trong hỗ trợ phát triển quan hệ lao động, ngăn ngừa, giảm thiểu tranh chấp lao động.

- Nghiên cứu cơ chế giải quyết tranh chấp lao động tập thể theo pháp luật, giải quyết hài hòa lợi ích các bên.

- Thí điểm mô hình giải quyết tranh chấp lao động với việc bố trí một số hòa giải viên lao động, trọng tài viên lao động chuyên trách theo hướng vừa thực hiện giải quyết tranh chấp vừa hỗ trợ phát triển quan hệ lao động; có chế độ khuyến khích người có đủ năng lực, phẩm chất, uy tín tham gia làm hòa giải viên lao động, trọng tài viên lao động.

- Việc giải quyết tranh chấp lao động, đình công phải đảm bảo giữ vững an ninh, trật tự xã hội; xử lý nghiêm những đối tượng lợi dụng, lôi kéo kích động, ép buộc người lao động gây rối an ninh, trật tự.

2.6. Phát huy vai trò các tầng lớp nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong giám sát, phản biện việc tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong tình hình mới; nâng cao nhận thức chấp hành pháp luật lao động của người lao động, nhất là các doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên, hạn chế các mâu thuẫn phát sinh từ quan hệ lao động có nguy cơ dẫn đến tranh chấp lao động và đình công.

III/ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ Chỉ thị số 37-CT/TW, Kế hoạch này của Tỉnh ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch cụ thể triển khai thực hiện; đồng thời lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy và các cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện có hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ.

2. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh lãnh đạo tăng cường công tác giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực và các Ban của Hội đồng nhân dân về xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong doanh nghiệp.

3. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy:

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Tỉnh ủy và các cơ quan liên quan tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt nội dung Chỉ thị 37-CT/TW và Kế hoạch này; hướng dẫn các cấp ủy, tổ chức đảng tổ chức quán triệt, tuyên truyền, triển khai thực hiện Chỉ thị và Kế hoạch.

- Chỉ đạo tuyên truyền, phổ biến những điển hình tiên tiến, những việc làm hay, cách làm sáng tạo, hiệu quả; đồng thời, phản ánh những nơi làm chưa tốt, kém hiệu quả để có giải pháp khắc phục.

4. Đảng đoàn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh:

- Lãnh đạo, chỉ đạo Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp có kế hoạch giám sát việc thực hiện Kế hoạch này; tổ chức tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, người lao động, người sử dụng lao động thực hiện tốt các

chủ trương, chính sách về xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong doanh nghiệp.

- Nâng cao vai trò và năng lực của tổ chức công đoàn là tổ chức đại diện của người lao động trong quan hệ lao động phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

5. Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy có trách nhiệm phổ biến, quán triệt, xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW và Kế hoạch này phù hợp với tình hình địa phương, đơn vị; hàng năm, tiến hành sơ kết đánh giá rút kinh nghiệm để thực hiện kế hoạch có hiệu quả.

6. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Kế hoạch của Tỉnh ủy với các nhiệm vụ, giải pháp, lộ trình và phân công cơ quan đơn vị thực hiện cụ thể tránh chồng chéo, lãng phí; đồng thời, chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy và các cơ quan liên quan theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch này; định kỳ hoặc đột xuất báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy kết quả thực hiện. 1/15

Nơi nhận:

- Ban Bí thư TW Đảng (b/c),
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Các ban đảng thuộc Tỉnh ủy,
- Đảng đoàn HĐND, UBND tỉnh,
- Các sở, ban, ngành, MTTQ, đoàn thể tỉnh,
- Các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy+XH.

